HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22 /2017/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2017*

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

Xét Tờ trình số 968/TTr-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Tờ trình số 968/TTr-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bình Thuận như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí do ngân sách tỉnh bảo đảm để thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Đối tượng áp dụng: Các cá nhân, cơ quan, đơn vị liên quan đến cuộc điều tra thống kê.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

Ngân sách tỉnh bảo đảm và bố trí trong phần chi khác của dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

3. Nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê:

a) Chi cho cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán. Mức khoán (đã bao gồm chi hội nghị, họp hội đồng thẩm định, nghiệm thu, chi thuê chuyên gia chọn mẫu điều tra thống kê và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê) như sau:

- Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê:

+ Điều tra mức sống dân cư, điều tra dân số và nhà ở: 10 triệu đồng.

+ Điều tra môi trường kinh doanh; chi tiêu của khách du lịch; điều tra trên lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, nông thôn, thủy sản: 5 triệu đồng.

+ Các cuộc điều tra khác: 5 triệu đồng.

- Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê:

+ Điều tra mức sống dân cư, điều tra dân số và nhà ở: 5 triệu đồng.

+ Điều tra môi trường kinh doanh; chi tiêu của khách du lịch; điều tra trên lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, nông thôn, thủy sản: 3 triệu đồng.

+ Các cuộc điều tra khác: 3 triệu đồng.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao khoán được quyết định nội dung và mức chi trong phạm vi kinh phí được giao khoán để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

b) Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính (sau đây gọi là Thông tư số 109/2016/TT-BTC).

c) Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê (chỉ thực hiện đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh về chế độ chi tiêu hội nghị.

d) Chi tiền công: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

e) Chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê (nếu cần thiết): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh về chế độ công tác phí.

g) Chi cho đối tượng cung cấp thông tin; mức chi cụ thể như sau:

- Đối với cá nhân:

+ Nhỏ hơn hoặc bằng 30 chỉ tiêu: 30.000 đồng/phiếu.

+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 40.000 đồng/phiếu.

+ Trên 40 chỉ tiêu: 50.000 đồng/phiếu.

- Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan, đơn vị của nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định):

+ Nhỏ hơn hoặc bằng 30 chỉ tiêu: 50.000 đồng/phiếu.

+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 60.000 đồng/phiếu.

+ Trên 40 chỉ tiêu: 75.000 đồng/phiếu.

- Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của nhà nước: Mức chi cung cấp thông tin bằng 50% mức chi đối với tổ chức quy định tại điểm này.

h) Chi xử lý kết quả điều tra thống kê:

- Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê: Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 9 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

- Chi xây dựng phần mềm tin học để nhập tin và xử lý, tổng hợp số liệu điều tra thống kê (nếu cần thiết); chi nhập tin và xử lý dữ liệu, tổng hợp số liệu: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

i) Chi biên soạn ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định tại Khoản 10 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

k) Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê, bao gồm:

- Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Phiên dịch (nếu có), biên dịch tài liệu nước ngoài phục vụ điều tra thống kê: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 12 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

l) Chi điều tra thử để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra thống kê: Thực hiện theo quy định tại Khoản 13 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

4. Lập, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí các cuộc điều tra thống kê:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Điều 2. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Bình Thuận khoá X, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, (TH.09) T.Duy. 160

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng